

THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO VÙNG BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN CỦA VIỆT NAM

Lý Đại Hùng¹

Tóm tắt: Bài viết phân tích việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các địa phương vùng biên giới đất liền trong khoảng thời gian 2018 - 2023. Kết quả nghiên cứu định tính chỉ ra rằng, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của vùng biên giới chiếm tỷ trọng nhỏ về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, với 8,9% tổng số dự án và 20,1% tổng giá trị vốn, nhưng lại có một số địa phương nổi bật, như Quảng Ninh ở vùng biên giới với Trung Quốc, Thanh Hóa và Hà Tĩnh ở vùng biên giới Lào, Long An và Tây Ninh ở vùng biên giới với Campuchia. Bên cạnh đó, bằng chứng thực nghiệm từ mô hình định lượng ghi nhận rằng, vị trí địa lý thuộc vùng biên giới đất liền làm giảm sức thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của các địa phương nhưng không tác động đến vai trò của các yếu tố gồm tăng trưởng, ba đột phá chiến lược (nhân lực, thể chế và hạ tầng) và khu vực doanh nghiệp đối với thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Từ khóa: Hồi quy dữ liệu chéo; Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; Vùng biên giới đất liền.

ATTRACTING FOREIGN DIRECT INVESTMENT INTO LAND-BORDER AREA IN VIETNAM

Abstract: The paper analyzes the attraction of foreign direct investment in localities in the land border area during the period 2018 - 2023. Qualitative research results indicate that foreign direct investment in border areas accounts for a small proportion of foreign direct investment attraction, with 8.9% of the total number of projects and 20.1% of the total capital value, but there are some prominent localities, such as Quang Ninh in the border area with China, Thanh Hoa and Ha Tinh in the border area with Laos, Long An and Tay Ninh in the border area with Cambodia. Empirical evidence from the quantitative model notes that the geographical location in the land border area reduces the attraction of foreign direct investment of localities but does not affect the role of determinants including growth, three strategic breakthroughs (human resources, institutions and infrastructure) and the business sector, in attracting foreign direct investment.

Keywords: Cross-Section Regression; Foreign direct Investment; Land-border area.

Nộp bản thảo: 27/6/2025

Chấp nhận đăng: 30/10/2025

1. Giới thiệu

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào nền kinh tế Việt Nam có xu hướng gia tăng theo thời gian, đóng góp vào quá trình tích lũy vốn và phát triển kinh tế, cùng với lượng vốn được hình thành trong nước. Theo số liệu của Cục Thống kê (2025), riêng trong 8 tháng đầu năm 2025 này, vốn đầu tư trực

¹TS, Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới, email liên hệ: hunglydai@gmail.com.

tiếp nước ngoài đăng ký vào Việt Nam đạt 21,95 tỷ USD, trong đó, vốn đăng ký cấp mới đạt 11,3 tỷ USD, tăng 12,6% so với cùng kỳ năm trước, và vốn đăng ký điều chỉnh đạt 10,65 tỷ USD, tăng 85,9% so với cùng kỳ năm trước. Cũng trong thời gian này, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cũng ở mức khá cao, ước đạt 15,4 tỷ USD, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước.

Tầm ảnh hưởng của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với nền kinh tế Việt Nam đã khá rõ ràng, đặt trọng tâm chủ yếu vào lĩnh vực kinh tế. Tuy vậy, hiện nay, vẫn còn khá ít nghiên cứu đánh giá loại hình vốn đầu tư này riêng tại địa phương vùng biên giới đất liền của Việt Nam. Bài viết này đóng góp thêm một nội dung về chủ đề nghiên cứu này.

Bài viết tập trung vào vốn đăng ký đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các tỉnh có đường biên giới đất liền với Trung Quốc, Lào và Campuchia. Theo địa giới hành chính mới từ tháng 7 năm 2025, các địa phương vùng biên giới đất liền của Việt Nam hiện nay bao gồm các tỉnh có đường biên giới với Trung Quốc, Lào và Campuchia. Trong đó, các tỉnh có biên giới với Trung Quốc hiện nay gồm Quảng Ninh, Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Lạng Sơn, Điện Biên và Lai Châu; các tỉnh có biên giới với Lào gồm Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng và Quảng Ngãi; các tỉnh có biên giới với Campuchia gồm Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Tây Ninh, Đồng Tháp và An Giang. Lượng vốn đăng ký của các địa phương này được thống kê lũy kế tính đến ngày 31/12/2023, bao gồm các dự án đã được cấp phép và còn hiệu lực, theo dữ liệu gần nhất của Cục Thống kê (2025).

Bài viết đóng góp vào các nghiên cứu về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại các địa phương của Việt Nam. Trên cơ sở liên thông với các nghiên cứu trên thế giới như Lucas (1990), Gourinchas và Jeanne (2013), các nghiên cứu tại Việt Nam đã làm rõ yếu tố chi phối việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài như chất lượng thể chế (Huỳnh Công Minh, 2025; Nguyễn Quốc Việt và cộng sự, 2014), tăng trưởng kinh tế (Nguyễn Hoàng Việt và Phan Thu Trang, 2023), môi trường kinh doanh (Dương Nguyễn Minh Huy và Đỗ Anh Đức, 2021). Ở chiều ngược lại, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng nâng cao năng suất lao động tại các địa phương (Luu Huyền Trang và cộng sự, 2025), và góp phần cùng với loại hình vốn đầu tư nhà nước và tư nhân trong mở rộng quy mô sản lượng ở các địa phương (Đoàn Ngọc Phúc, 2022).

So với các nghiên cứu vừa nêu, điểm khác biệt của bài viết này nằm ở sự tập trung vào các địa phương thuộc vùng biên giới đất liền. Mô hình định lượng đã tính đến vị trí địa lý của vùng biên giới đất liền và ảnh hưởng của vị trí này đối với vai trò của các yếu tố kinh tế khác trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Hơn nữa, với lợi thế của bộ dữ liệu mới công bố của Cục Thống kê (2025) về 63 địa phương, bài viết đã vượt qua khó khăn mà các nghiên cứu trước đây gặp phải về việc thiếu số liệu chính xác về tăng trưởng kinh tế của các địa phương.

Bài viết trình bày khung phân tích trong mục 2, đánh giá thực trạng về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại vùng biên giới trong mục 3. Sau đó, mục 4 thảo luận chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của vùng biên giới.

2. Phương pháp và số liệu

2.1. Phương pháp

Bài viết tiếp cận các địa phương vùng biên giới đất liền như các nền kinh tế nhỏ và mở cửa, là một bộ phận trong tổng thể nền kinh tế cả nước. Mỗi nền kinh tế có các đặc điểm riêng biệt, trên

cơ sở cùng chia sẻ các đặc điểm chung của cả nước. Do vậy, với cách tiếp cận này, bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với định lượng. Với phân tích định tính, bài viết đưa ra các nhận định về tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của các địa phương thuộc vùng biên giới đất liền, với các kỹ thuật thống kê số liệu và tổng hợp các tài liệu. Còn với phân tích định lượng, bài viết chỉ ra vai trò và tầm ảnh hưởng của các yếu tố chi phối đến việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào vùng biên giới đất liền trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2023.

Đối với phương pháp định lượng, bài viết sử dụng kỹ thuật hồi quy theo dữ liệu chéo, với mỗi biến số được tính trung bình trong giai đoạn 5 năm từ năm 2018 đến năm 2023 hoặc lấy giá trị năm cuối trừ đi giá trị năm đầu tiên, tùy vào từng biến số. Hồi quy theo dữ liệu chéo được sử dụng để tập trung vào sự so sánh giữa các địa phương trong vùng biên giới đất liền với các địa phương khác trong cả nước, bằng cách bỏ qua các biến động theo thời gian.

Với mỗi địa phương được ký hiệu (j), mô hình hồi quy như sau:

$$FDI_j = \alpha + \beta^{vbg} VBG + \beta^{tt} Tăngtrưởn g_j + \beta^{nl} Nhânlự c_j + \beta^{tc} Thễchế_j + \beta^{ht} Hậttàng_j + \beta^{dn} Doanhnghịệ p_j + u_j \quad (1)$$

Trong đó, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (vốn đăng ký), ký hiệu (FDI_j), chịu ảnh hưởng bởi vị trí địa lý thuộc vùng biên giới đất liền (VBG) và các biến số khác. Biến giả (VBG) có hai giá trị: ($VBG = 1$) nếu một địa phương thuộc vùng biên giới đất liền và ($VBG = 0$) nếu địa phương không thuộc vùng biên giới đất liền. Biến số này đóng vai trò trọng tâm trong nghiên cứu của bài viết, bởi khả năng phản ánh vai trò của sự khác biệt giữa việc thuộc hay không thuộc vùng biên giới đất liền đối với thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Trong mô hình cơ bản, thể hiện ở phương trình (1), các yếu tố chi phối đến khả năng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng được đề cập, trên cơ sở tham khảo các kết quả nghiên cứu quốc tế và trong nước. Thứ nhất, tốc độ tăng trưởng kinh tế xác định mức tỷ suất lợi nhuận đầu tư dự kiến của vốn đầu tư, do vậy, chi phối đến quyết định đầu tư trực tiếp nước ngoài (Lucas, 1990; Gourinchas và Jeanne, 2013). Thứ hai, các yếu tố thuộc về ba đột phá chiến lược gồm chất lượng nguồn nhân lực, thể chế và cơ sở hạ tầng, đã liên tục được Nhà nước đẩy mạnh, cũng đóng vai trò quan trọng trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (Nguyễn Vũ Thân, 2025; Hồ Thị Lam và Nguyễn Đăng Thùy Linh, 2024; Nguyễn Văn Bốn và Nguyễn Minh Tiến, 2014). Thứ ba, quy mô của các doanh nghiệp trên địa bàn một địa phương cũng có thể tạo ra các liên kết mang tính cộng tác theo chuỗi giá trị, giúp thúc đẩy thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (Ni và cộng sự, 2017).

Khi áp dụng mô hình hồi quy trong dữ liệu, bài viết tách ra thành hai mô hình riêng biệt, với mô hình thứ nhất chỉ gồm biến giả (VBG) với tăng trưởng kinh tế ($Tăngtrưởn g$); và mô hình thứ hai gồm biến giả (VBG) với các biến số còn lại ($Nhânlự c$, $Thễchế$, $Cơsởhậttàng$ và $Doanhnghịệ p$). Lý do chính là tăng trưởng kinh tế cũng chịu ảnh hưởng bởi các biến số còn lại như ba đột phá chiến lược, nên có thể xuất hiện hiện tượng đa cộng tuyến nếu chạy các biến số này trong cùng một mô hình hồi quy.

Do vậy, giá trị kỳ vọng của các hệ số ước lượng như sau:

$$(\beta^{vbg} = \text{không xác định}; \beta^{tt} > 0; \beta^{nl} > 0; \beta^{tc} > 0; \beta^{csht} > 0; \beta^{dn} > 0)$$

Trong đó, hệ số phản ánh biến giả về vùng biên giới đất liền có giá trị không xác định, phụ thuộc vào dữ liệu. Hầu hết các hệ số khác đều có dấu dương, thể hiện cho ảnh hưởng tích cực đối với thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Riêng hệ số của chất lượng thể chế có dấu âm, bởi vì giá trị của biến số càng cao thì chất lượng thể chế càng thấp, theo cách thức xếp hạng từ 1/63 (tốt nhất) xuống 63/63 (thấp nhất).

Dựa trên mô hình hồi quy cơ bản, bài viết mở rộng thêm, tính đến sự tương tác của biến giả, phản ánh vị trí địa lý thuộc vùng biên giới đất liền với các yếu tố chi phối việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Phương trình như sau:

$$FDI_j = \alpha + \beta^{vbg} VBG + \beta^{tt} dTăngtrưởn_g_j + \beta^{nl} dNhânlực_j + \beta^{tc} dThếchế_j + \beta^{ht} dHạ tầng_j + \beta^{dn} dDoanhnhghiệp_j + \beta^{tt,tt} dTăngtrưởn_g_j * VBG + \beta^{nl,tt} dNhânlực_j * VBG + \beta^{tc,tt} dThếchế_j * VBG + \beta^{ht,tt} dHạ tầng_j * VBG + \beta^{dn,tt} dDoanhnhghiệp_j * VBG + u_j \quad (2)$$

Về mặt kỹ thuật, khi thêm biến số tương tác giữa hai biến số độc lập, mô hình hồi quy có thể xuất hiện hiện tượng đa cộng tuyến, dẫn đến kết quả ước lượng bị lệch (bias) so với hệ số chuẩn trong mẫu lớn (Woodridge, 2009). Để loại trừ tình huống này, bài viết sử dụng kỹ thuật loại trừ giá trị trung bình (de-mean technique), mà theo đó, mỗi biến số độc lập (X) sử dụng giá trị (dX), được tính theo công thức: $dX = X - \text{mean}(X)$, với giá trị trung bình theo thời gian ký hiệu $\text{mean}(X)$.

Khi thêm các biến số tương tác giữa biến giả (VBG) với các biến số độc lập khác, bài viết đánh giá về ảnh hưởng của vị trí địa lý thuộc vùng biên giới đất liền đối với tác động của các yếu tố như tăng trưởng, ba đột phá chiến lược và doanh nghiệp, đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại các địa phương.

2.2. Số liệu

Bài viết sử dụng một bộ dữ liệu chéo về các địa phương tại Việt Nam. Bắt đầu với bộ dữ liệu mảng của 63 địa phương từ năm 2018 đến năm 2023, với mỗi địa phương, biến số được tính bằng sự khác biệt của giá trị năm 2023 so với năm 2018, để chuyển thành dữ liệu chéo. Năm bắt đầu 2018 đánh dấu thời điểm mà Cục Thống kê (2025) tính lại tổng sản lượng trong nước (GDP) và thống nhất cách tính cho các địa phương, và năm 2023 là năm gần nhất có số liệu công bố bởi cơ quan này.

Biến số phụ thuộc là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, ký hiệu là (FDI). Bài viết thu thập giá trị vốn đăng ký đầu tư trực tiếp nước ngoài còn hiệu lực tính đến thời điểm ngày 31/12 hàng năm, từ năm 2018 đến năm 2023. Sau đó, biến số FDI được tính bằng sự gia tăng của vốn đăng ký tính đến cuối năm 2023 so với thời điểm cuối năm 2018, theo đơn vị triệu USD. Số liệu về biến số này được lấy từ Cục Thống kê (2025).

Các biến số độc lập đều được lấy từ cơ sở dữ liệu của Cục Thống kê (2025), chỉ trừ số liệu về chất lượng thể chế và cơ sở hạ tầng từ các báo cáo hàng năm về năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Thứ nhất, tăng trưởng kinh tế, ký hiệu ($Tăngtrưởn_g$), là giá trị bình quân hàng năm của tốc độ tăng trưởng kinh tế của mỗi địa phương trong giai đoạn 2018-2023. Khoảng thời gian 2018-2023 cũng là giai đoạn có số liệu chính thức, chuẩn xác nhất về tăng trưởng kinh tế của các nền kinh tế địa phương, do Cục Thống kê (2025) công bố cho các địa phương kể từ năm 2018.

Thứ hai, ba đột phá chiến lược gồm chất lượng nguồn nhân lực, ký hiệu (*Nhânlực*), đo bằng sự gia tăng của tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ của năm 2023 so với năm 2018; chất lượng thể chế, ký hiệu (*Thếchế*), đo bằng sự thay đổi của chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) công bố bởi Liên minh Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI); Cơ sở hạ tầng, ký hiệu (*Cosởhạ tầng*), đo bằng sự thay đổi của xếp hạng về cơ sở hạ tầng, cũng được công bố bởi Liên minh Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, với thứ hạng 1/63 thể hiện cho thứ hạng cao nhất. Cuối cùng, khu vực doanh nghiệp, ký hiệu (*Doanhnh nghiệp*), đo bằng số lượng doanh nghiệp trên 1000 dân.

3. Kết quả

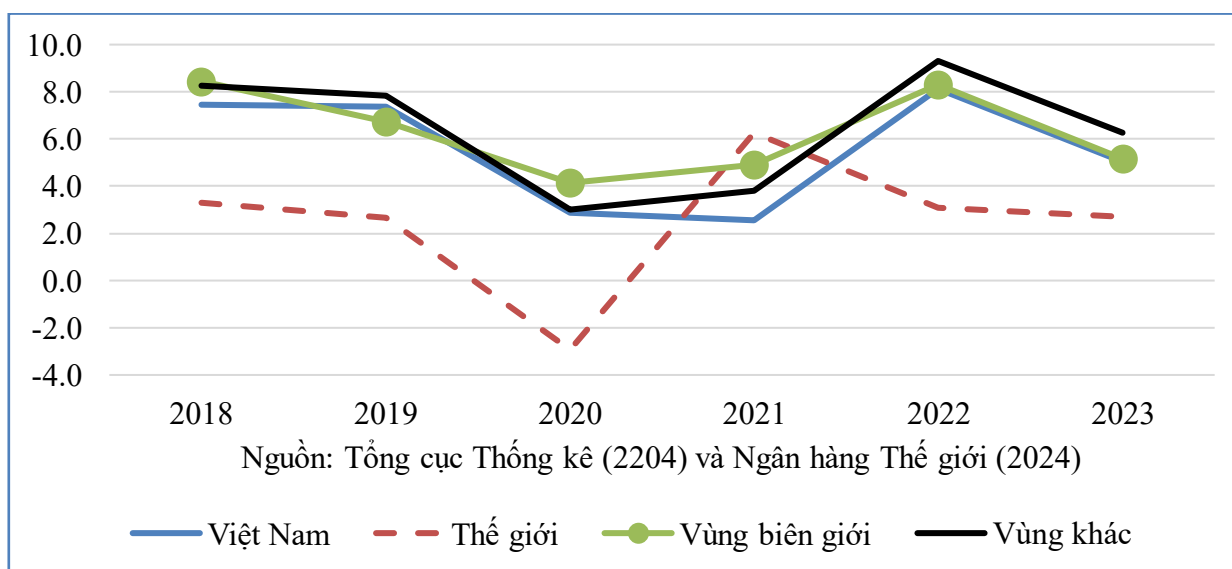
3.1. Đánh giá tình hình

Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các địa phương của vùng biên giới đất liền có các đặc điểm chung của nền kinh tế Việt Nam và cũng có các nét riêng biệt của vùng biên giới.

Các đặc điểm chung bao gồm tỷ suất lợi nhuận cao và ổn định, nguồn nhân lực và vị trí địa lý thuận lợi và chất lượng thể chế cải thiện theo thời gian.

Thứ nhất, tỷ suất lợi nhuận đầu tư được duy trì ở mức cao, đo lường trực tiếp bởi tốc độ tăng trưởng kinh tế. Theo Hình 1, bình quân giai đoạn từ năm 2000 đến nay, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đạt khoảng 6,3%/năm (Cục Thống kê, 2025). Mức này cao hơn con số tương ứng của thế giới và cả vùng Châu Á Thái Bình Dương (Ngân hàng Thế giới, 2025). Dòng vốn đầu tư nước ngoài có xu hướng lưu chuyển tập trung vào các nền kinh tế có tỷ suất lợi nhuận đầu tư cao. Theo đó, Việt Nam là một điểm sáng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của thế giới.

HÌNH 1. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG VÙNG BIÊN GIỚI



Nguồn: Cục Thống kê (2025) và Ngân hàng Thế giới (2025).

Thứ hai, nguồn nhân lực và vị trí địa lý thuận lợi để kết nối các nền kinh tế cũng đóng góp quan trọng vào việc thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong thời gian vừa qua. Trong đó, lực lượng lao động của Việt Nam đang ở mức cao, khoảng 52 triệu người trong

độ tuổi lao động, với cơ cấu dân số vàng, tạo ra nguồn nhân lực dồi dào, đáp ứng nhu cầu của các công ty có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (Tổng cục Thống kê, 2025). Vị trí địa lý giúp kết nối với các nền kinh tế khác trên thế giới, nhất là các nước trong khu vực Đông Nam Á, rồi xa hơn đến Châu Âu và Châu Mỹ, cũng góp phần tạo ra lợi thế cạnh tranh của Việt Nam trong thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong thời gian vừa qua.

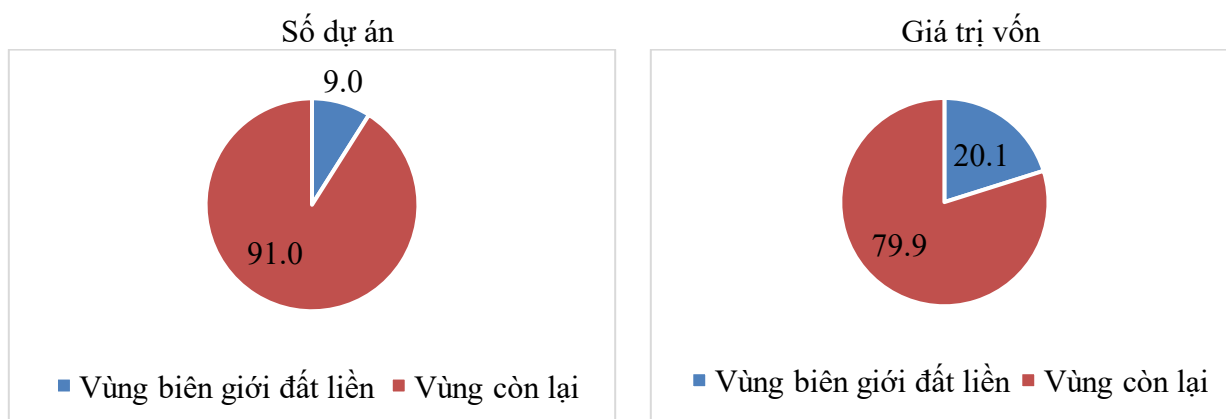
Thứ ba, thể chế không ngừng cải thiện với môi trường kinh doanh ổn định theo thời gian cũng đem lại lợi thế quan trọng để Việt Nam thu hút các dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Hành lang pháp lý liên tục được cải thiện, các ưu đãi đối với nhà đầu tư nước ngoài như miễn giảm thuế đất, thuế thu nhập doanh nghiệp, cũng vẫn được duy trì đều đặn, tạo nên niềm tin cho các nhà đầu tư yên tâm hoạt động và mở rộng quy mô tại Việt Nam.

Trên tổng thể ba đặc điểm của cả nền kinh tế Việt Nam trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, các địa phương vùng biên giới đất liền trước hết cùng chia sẻ các đặc điểm này, và còn có một số đặc thù riêng biệt.

Thứ nhất, các địa phương có vùng biên giới đất liền thu hút vốn đầu tư nước ngoài gắn với các hoạt động giao thương về hàng hóa, dịch vụ xuyên biên giới. Dòng dịch chuyển của hàng hóa và dịch vụ xuyên biên giới diễn ra thuận lợi đối với các địa phương này. Dòng hàng hóa này cũng đem lại dòng di chuyển vốn và tài chính theo chiều ngược lại. Vì vậy, việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài gắn chặt với các hoạt động xuất nhập khẩu tại các địa phương vùng biên giới đất liền.

Thứ hai, các địa phương vùng biên giới đất liền thu hút vốn đầu tư nước ngoài gắn với đảm bảo an ninh, thậm chí, công tác đảm bảo an ninh còn là nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng hàng đầu. Điều này phản ánh vị trí địa lý quan trọng, đóng vai trò như phen dậu của cả nước trong ngoại giao quốc tế của các địa phương vùng biên giới đất liền. Trong bối cảnh này, khi so sánh tương quan về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của các địa phương vùng biên giới với các địa phương khác trong cả nước, nhất là các địa phương không có biên giới đất liền, thì yếu tố về đảm bảo an ninh dựa trên vị trí địa lý cần được đặt ở vị trí quan trọng.

HÌNH 2. PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI GIỮA VÙNG BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN VÀ VÙNG CÒN LẠI



Nguồn: Cục Thống kê (2025).

Các đặc điểm riêng và chung về thu hút vốn đầu tư cũng hình thành nên đặc trưng về phân bổ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giữa các địa phương thuộc vùng biên giới đất liền với vùng còn lại của cả nước. Kết quả này được thể hiện ở Hình 2.

Số dự án thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các địa phương vùng biên giới lũy kế đến 31/12/2023 đạt 3.520 dự án. So với tổng số dự án đăng ký lũy kế trong cả nước, đạt 39.550 dự án, thì vùng biên giới chiếm một tỷ trọng khá nhỏ, chỉ 8,9% tổng số dự án của cả nước. Điều này cũng có nghĩa rằng, các địa phương không có biên giới hiện nay chiếm tỷ trọng phần lớn, đến 91,1% tổng số dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài của cả nước. Như vậy, khi phân tách theo nhóm, các địa phương có đường biên giới đất liền chiếm tỷ trọng nhỏ về số dự án đầu tư so với các địa phương không có đường biên giới đất liền.

Điều này phản ánh thực trạng rằng, các địa phương thuộc vùng biên giới đất liền đều khó khăn về tiếp cận địa lý, chủ yếu do hạ tầng giao thông, nên việc kết nối với các trung tâm phát triển kinh tế xã hội của vùng và cả nước còn hạn chế. Điều này dẫn đến khả năng tiếp cận thị trường trong nước và xa hơn, vận chuyển ra các cảng quốc tế để xuất khẩu ra nước ngoài cũng còn gặp phải nhiều thách thức.

Trong phân bổ các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài hiện nay, các địa phương có biên giới với Campuchia chiếm tỷ trọng chủ yếu. Trong tổng số 3.520 dự án, vùng biên giới với Trung Quốc chỉ có 278 dự án, vùng biên giới với Lào có 864 dự án, và vùng biên giới với Campuchia có 2.378 dự án.

Trong đó, với vùng biên giới với Campuchia, ba địa phương dẫn đầu gồm Bình Phước với 452 dự án, Tây Ninh với 364 dự án và Long An với 1.391 dự án. Ba địa phương này đều có quy mô nền kinh tế cấp địa phương ở mức lớn, và nhất là thuận tiện kết nối với các địa phương khác và với quốc tế. Trong đó, Bình Phước và Tây Ninh thuộc vùng Đông Nam Bộ, là đầu tàu kinh tế của cả nước, kết nối trực tiếp với thành phố Hồ Chí Minh. Trong khi đó, Long An là một địa phương lớn của vùng đồng bằng sông Cửu Long, cũng có khả năng kết nối nhanh với Cần Thơ và Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong vùng biên giới với Trung Quốc, số dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài chủ yếu nằm ở các tỉnh có cửa khẩu quốc tế, thuận lợi giao thương, như Lạng Sơn với 43 dự án, Lào Cai với 33 dự án, và nhất là Quảng Ninh với 181 dự án. Trong đó, Quảng Ninh là địa phương nổi bật nhất trong vùng biên giới với Trung Quốc về số dự án thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Địa phương này cũng dẫn đầu cả nước trong nhiều năm gần đây về chất lượng thể chế trong bảng xếp hạng năng lực cạnh tranh quốc gia cấp tỉnh, điển hình như về quản trị địa phương (Liên minh Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, 2025). Ngoài ra, địa phương này cũng có cơ sở hạ tầng giao thông kết nối thuận lợi với các địa phương khác trong cả nước, như các đường cao tốc với Hải Phòng và Hà Nội.

Tổng lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký vùng biên giới lũy kế đến 31/12/2023 đạt 94,6 tỷ USD. Nếu so với tổng số 470,6 tỷ USD của cả nền kinh tế, thì các địa phương vùng biên giới chiếm 20,1% tổng số vốn đầu tư. Như vậy, các địa phương vùng biên giới đất liền hiện nay đang chiếm khoảng 10% về số dự án và hơn 20% về tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong thời gian vừa qua.

Về phân bổ theo không gian địa lý, vùng biên giới với Trung Quốc thu hút được 14,2 tỷ USD,

vùng biên giới với Lào thu hút được 46,1 tỷ USD và vùng biên giới với Campuchia thu hút được 34,4 tỷ USD.

Trong vùng biên giới với Lào, tỉnh Thanh Hóa thu hút được 15,2 tỷ USD, còn tỉnh Hà Tĩnh thu hút được 12,1 tỷ USD. Hai địa phương này đều liên tục thăng hạng về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong thời gian vừa qua. Ngoài ra, cơ sở hạ tầng của hai địa phương này cũng không ngừng được nâng cấp, với khu kinh tế công nghiệp lớn, như khu kinh tế Nghi Sơn của tỉnh Thanh Hóa và khu kinh tế Formosa của tỉnh Hà Tĩnh.

Trong vùng biên giới với Trung Quốc, lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký có xu hướng tập trung nhiều tại tỉnh Quảng Ninh, với 13,0 tỷ USD, cao hơn và vượt trội hơn hẳn so với các địa phương khác trong vùng biên giới này, như Lào Cai có 655,8 triệu USD và Lạng Sơn có 515 triệu USD. Như vậy, cũng giống như vùng biên giới với Lào, hiện trạng về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ghi nhận sự tập trung về vốn vào một hoặc vài địa phương chủ yếu, như Quảng Ninh trong vùng biên giới với Trung Quốc.

Đối với vùng biên giới với Campuchia, lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng có xu hướng tập trung vào nhóm tỉnh lớn. Trong đó, tỉnh Long An có 13,6 tỷ USD, Tây Ninh có 9,7 tỷ USD và Kiên Giang có 4,8 tỷ USD. Đây đều là các tỉnh có lợi thế trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, như Long An có quy mô của nền kinh tế địa phương lớn, Tây Ninh nằm trong vùng Đông Nam Bộ và Kiên Giang với đảo Phú Quốc là một trung tâm du lịch lớn của cả nước.

Như vậy, về tổng thể chung với cả nền kinh tế, các địa phương vùng biên giới đất liền chiếm một tỷ trọng ở mức khá, không nhỏ nhưng cũng không lớn, khoảng 20% tổng vốn đăng ký đầu tư trực tiếp nước ngoài của cả nước. Trong đó, kết quả phân tích ghi nhận rằng lượng vốn đăng ký đầu tư trực tiếp nước ngoài có xu hướng tập trung vào một nhóm các địa phương quan trọng, và lượng vốn vào các địa phương này có giá trị vượt trội hơn hẳn so với các địa phương còn lại trong vùng.

3.2. Bằng chứng thực nghiệm

Bảng 2 trình bày các yếu tố chi phối việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các địa phương thuộc vùng biên giới đất liền trong tương quan với cả nước. Như cột (1) thể hiện, hệ số hồi quy của biến giả (VBG) bị âm với giá trị (-1.526). Điều này cho thấy rằng khi một địa phương nằm ở vùng biên giới đất liền, lợi thế về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm hẳn so với địa phương nằm ở vùng còn lại của cả nước. Theo một cách diễn đạt khác, vị trí địa lý thuộc vùng biên giới đất liền làm giảm 1,53 triệu USD về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong giai đoạn 2018-2023. Hình thái này tiếp tục giữ vững, khi mô hình định lượng tính đến vai trò của tăng trưởng kinh tế. Theo cột (2), hệ số hồi quy của biến giả (VBG) tiếp tục bị âm, với giá trị tuyệt đối giảm nhẹ về mức (-1,47) triệu USD.

Tăng trưởng kinh tế khẳng định được vai trò tích cực trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, với hệ số dương, như dự báo của lý thuyết. Với kết quả hồi quy ở cột (2), sự gia tăng của 1% trong tốc độ tăng trưởng kinh tế của một địa phương sẽ kéo theo sự gia tăng thêm 313,8 triệu USD về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong giai đoạn 2018-2023.

Các yếu tố khác gồm ba đột phá chiến lược và khu vực doanh nghiệp cũng được ghi nhận các hệ số ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đối với thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Theo cột (3), vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài gia tăng khi có sự cải thiện về chất lượng của thể chế, với hệ

số đạt 176,1, cơ sở hạ tầng với hệ số đạt (-62,35) (cơ sở hạ tầng tốt hơn khi giá trị của biến số này giảm) hoặc sự lớn mạnh của khu vực doanh nghiệp với hệ số đạt 815,0. Mặc dù vậy, chất lượng nguồn nhân lực lại chưa có hệ số ước lượng có ý nghĩa thống kê đối với thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Như vậy, các kết quả hồi quy đã khẳng định hầu hết các phát biểu lý thuyết, với tác động tích cực của tăng trưởng kinh tế, chất lượng thể chế, cơ sở hạ tầng và khu vực doanh nghiệp đối với thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Bảng kết quả hồi quy cũng đã bổ sung thêm một kết quả mới, bằng việc xác định rõ về sự bất lợi của địa phương thuộc vùng biên giới đất liền trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong giai đoạn 2018 - 2023 vừa qua.

BẢNG 2. KẾT QUẢ HỒI QUY VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) ĐỐI VỚI CÁC BIẾN ĐỘC LẬP GỒM: BIẾN ĐẠI DIỆN VÙNG BIÊN GIỚI (VBG), NHÂN LỰC, THỂ CHẾ, CƠ SỞ HẠ TẦNG, DOANH NGHIỆP VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

	(1)	(2)	(3)
Biến số	Vốn FDI đăng ký (FDI)	Vốn FDI đăng ký (FDI)	Vốn FDI đăng ký (FDI)
Biến giả (VBG)	-1.526**	-1.471**	61,96
(VBG=1 với vùng biên giới)	(754,6)	(735,3)	(672,3)
Tăng trưởng kinh tế		313,8**	
(TT, %)		(150,7)	
Nhân lực			-88,64
(NL, %)			(88,20)
Thể chế			176,1**
(TC, điểm số)			(73,04)
Cơ sở hạ tầng			-62,35***
(CSHT, xếp hạng 1/63)			(20,48)
Doanh nghiệp			815,0***
(DN, số lượng/1000 dân)			(270,7)
Hệ số cố định	2.669***	656,8	2.152*
	(475,4)	(1.072)	(1.111)
Số quan sát	63	63	63
R-bình phương	0,063	0,126	0,453

Ghi chú: Kết quả từ mô hình hồi quy. (, **, ***) thể hiện cho giá trị p tương ứng với độ tin cậy lần lượt (99%, 95%, 90%).*

Sai số chuẩn trong ngoặc đơn.

Từ kết quả cơ bản vừa nêu, bài viết tính thêm ảnh hưởng của vị trí địa lý thuộc vùng biên giới đất liền đối với vai trò của các yếu tố chi phối việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Theo Bảng 3, tại cột (1), vị trí địa lý thuộc vùng biên giới đất liền không ảnh hưởng đến vai trò của tăng trưởng kinh tế đối với vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Điều này thể hiện ở giá trị hệ số hồi quy của cả biến số tăng trưởng và biến số tương tác giữa tăng trưởng và biến giả (VBG) đều không có ý nghĩa thống kê.

Tương tự như vậy, theo cột (2), hệ số hồi quy của các biến số tương tác giữa nguồn nhân lực, thể chế, cơ sở hạ tầng và khu vực doanh nghiệp với biến giả (VBG) đều không có ý nghĩa thống kê. Điều này cho thấy rằng, vị trí địa lý thuộc vùng biên giới đất liền không ảnh hưởng đến vai trò của ba đột phá chiến lược (nhân lực, thể chế và cơ sở hạ tầng) và doanh nghiệp đối với thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Ngoài ra, hệ số của biến số về thể chế, cơ sở hạ tầng và khu vực doanh nghiệp vẫn có ý nghĩa thống kê và mang dấu âm/dương tương tự như cột (3) của Bảng 2. Điều này càng củng cố thêm rằng, ba biến số này vẫn tiếp tục duy trì vai trò tích cực đối với thu hút vốn đầu tư trực tiếp ngoài tại các địa phương của Việt Nam.

BẢNG 3. KẾT QUẢ HỒI QUY VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) ĐỐI VỚI CÁC BIẾN ĐỘC LẬP GỒM: BIẾN ĐẠI DIỆN VÙNG BIÊN GIỚI (VBG), NHÂN LỰC, THỂ CHẾ, CƠ SỞ HẠ TẦNG, DOANH NGHIỆP, TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ CÁC BIẾN SỐ TƯƠNG TÁC GIỮA CHÚNG

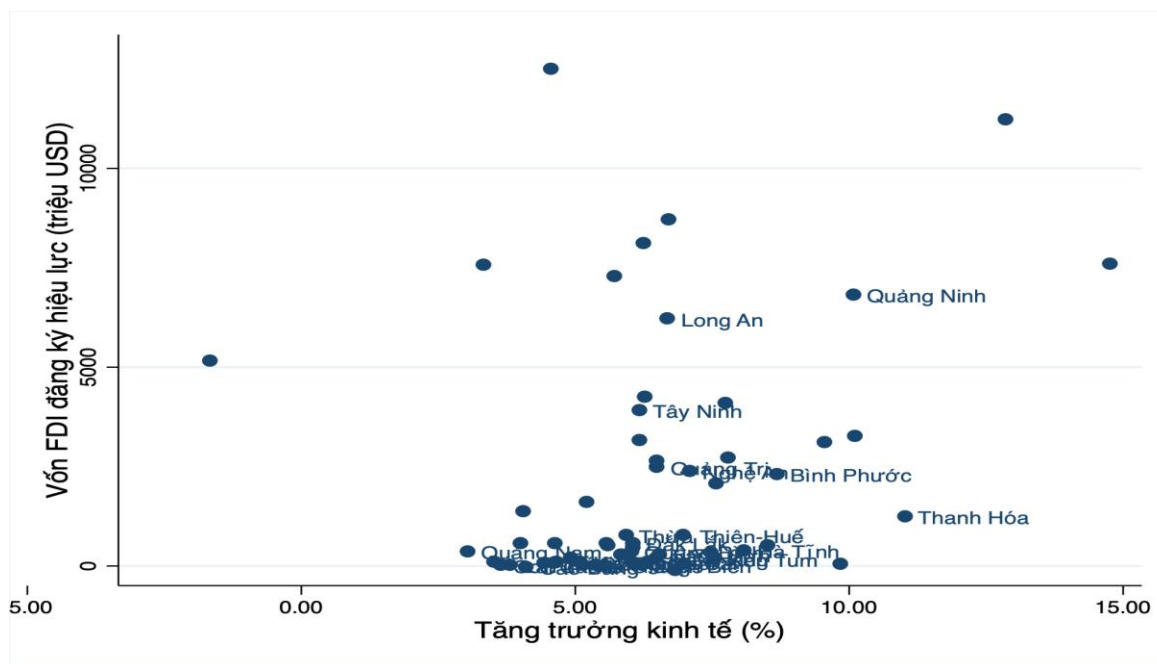
Biến số	Vốn FDI đăng ký (FDI)	Vốn FDI đăng ký (FDI)
Biến giả (VBG)	-1.455*	74,20
(VBG=1 với vùng biên giới)	(738,9)	(779,8)
Tăng trưởng kinh tế	255,8	
(dTT, %)	(173,4)	
Nhân lực		-106,8
(dNL, %)		(99,57)
Thể chế		273,9***
(dTC, điểm số)		(91,25)
Cơ sở hạ tầng		-89,30***
(dCSHT, xếp hạng 1/63)		(29,91)
Doanh nghiệp		609,1*
(dDN, số lượng/1000 dân)		(315,7)
Tương tác nhân lực với biến giả		6,991
(dNL*VBG)		(218,9)
Tương tác thể chế với biến giả		-241,7
(dTC*VBG)		(154,4)
Tương tác hạ tầng với biến giả		45,80
(dCSHT*VBG)		(41,17)
Tương tác doanh nghiệp với biến giả		417,5
(dDN*VBG)		(863,4)
Tương tác tăng trưởng với biến giả	244,2	
(dTT*VBG)	(355,7)	
Hệ số cố định	2.651***	1.057*
	(465,1)	(601,6)
Số quan sát	63	63
R-bình phương	0,133	0,493

Ghi chú: Kết quả từ mô hình hồi quy. (, **, ***) thể hiện cho giá trị p tương ứng với độ tin cậy lần lượt (99%, 95%, 90%). Biến số (dX) là giá trị đã trừ trung bình (mean(X)): $dX = X - \text{mean}(X)$.*

Sai số chuẩn trong ngoặc đơn.

Như vậy, các kết quả hồi quy cùng ghi nhận rằng, vị trí địa lý thuộc vùng biên giới đất liền chỉ tạo ra bất lợi ban đầu nhưng không ảnh hưởng đến vai trò của các yếu tố khác (tăng trưởng, đột phá chiến lược và doanh nghiệp) đối với thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

HÌNH 3. TƯƠNG QUAN GIỮA VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) VỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG



Ghi chú: Kết quả từ mô hình hồi quy.

Về tổng thể, sự bất lợi ban đầu của địa phương thuộc vùng biên giới đất liền trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng không rõ rệt. Theo Hình (3), xét mối tương quan giữa vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với tăng trưởng kinh tế, phần lớn các địa phương trong cả nước đều nằm ở vùng thấp. Tức là, các địa phương thường có tốc độ tăng trưởng tụ xung quanh mức bình quân chung (khoảng 6%/năm) và đồng thời thu hút được khá ít vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Chỉ một số địa phương vượt lên cao hẳn, tức là kết hợp giữa thu hút được nhiều vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài mặc dù có tăng trưởng kinh tế cũng gần như các địa phương khác, tức là tập trung quanh mức bình quân chung. Cũng khá bất ngờ khi danh sách các địa phương nổi bật này lại có một số địa phương thuộc vùng biên giới đất liền như Quảng Ninh, Long An, Tây Ninh, Quảng Trị, Nghệ An, Bình Phước và Thanh Hóa. Điều này cho thấy rằng, vùng biên giới đất liền cũng có các địa phương nổi bật về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, mặc dù gặp phải bất lợi ban đầu về vị trí địa lý.

4. Kết luận và thảo luận chính sách

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của vùng biên giới chiếm tỷ trọng nhỏ về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cả nước, với 8,9% tổng số dự án và 20,1% tổng giá trị vốn, nhưng lại có xu hướng tích tụ vào một nhóm địa phương chủ đạo, như Quảng Ninh ở vùng biên giới với Trung Quốc, Thanh Hóa và Hà Tĩnh ở vùng biên giới Lào, Long An và Tây Ninh ở vùng biên giới với Campuchia.

Vị trí địa lý thuộc vùng biên giới đất liền làm giảm sức thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của các địa phương nhưng không tác động đến vai trò của các yếu tố gồm tăng trưởng, ba đột phá chiến lược (nhân lực, thể chế và hạ tầng) và khu vực doanh nghiệp, đối với thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Kết quả nghiên cứu gợi ý rằng chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các địa phương thuộc vùng biên giới đất liền cần bù đắp được bất lợi về vị trí địa lý như tăng cường liên kết vùng và hỗ trợ ban đầu về tài chính. Khi bất lợi ban đầu này được khắc phục, số liệu cho thấy các địa phương của vùng biên giới đất liền cũng sẽ cạnh tranh một cách đồng đều với các địa phương thuộc vùng khác của cả nước trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Tài liệu tham khảo

1. Cục Thống kê (2025). Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài lũy kế đến 31/12/2024 tại các địa phương. Truy cập trực tuyến từ <<https://www.gso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V0414&theme=Đầu%20tư>>.
2. Dương Nguyễn Minh Huy và Đỗ Anh Đức (2021). Sự minh bạch và đầu tư trực tiếp nước ngoài: Bằng chứng thực nghiệm từ các tỉnh thành ở miền Trung của Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 292(2), 96-101.
3. Đoàn Ngọc Phúc (2022). Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tăng trưởng kinh tế Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính-Marketing*, 1-10.
4. Gourinchas, P. O., & Jeanne, O. (2013). Capital flows to developing countries: The allocation puzzle. *Review of Economic Studies*, 80(4), 1484-1515.
5. Hồ Thị Lam và Nguyễn Đăng Thùy Linh (2024). Gánh nặng thuế, tham nhũng và dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài: Bằng chứng thực nghiệm tại các quốc gia ASEAN. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, (328), 42-51.
6. Huỳnh Công Minh (2025). Biến đổi khí hậu và đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam: Vai trò của chất lượng quản trị địa phương. *Tạp chí Khoa học Đại học mở thành phố Hồ Chí Minh: Kinh tế và Quản trị kinh doanh*, 20(3), 20-30.
7. Liên minh Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI). Báo cáo năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Truy cập trực tuyến từ <www.pcivietnam.vn>.
8. Lucas, Robert (1990), "Why doesn't Capital Flow from Rich to Poor Countries?", *The American Economic Review*, 80, 92-6.
9. Lưu Huyền Trang và cộng sự (2025). Tác động của FDI đến năng suất lao động: Nghiên cứu thực nghiệm tại các địa phương của Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Chính sách và Phát triển*, 2(2), 91-101.
10. Ngân hàng Thế giới (2025). Cơ sở dữ liệu trực tuyến về các chỉ số phát triển toàn cầu. Truy cập trực tuyến từ <www.data.worldbank.org>.
11. Nguyễn Quốc Việt và cộng sự (2014). Đánh giá tác động của chất lượng thể chế cấp tỉnh tới khả năng thu hút FDI vào các địa phương tại Việt Nam. *Tạp chí Khoa học ĐHQG Hà Nội: Kinh tế và Kinh doanh*, 30(1), 53-62.
12. Nguyễn Hoàng Việt và Phan Thu Trang (2023). Tác động của thương mại quốc tế và vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đến thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp tại các địa phương Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, (314), 78-87.
13. Ni, B., Spatareanu, M., Manole, V., Otsuki, T., & Yamada, H. (2017). The origin of FDI and domestic firms' productivity - Evidence from Vietnam. *Journal of Asian Economics*, 52, 56-76.
14. Nguyễn Vũ Thân (2025). Tác động của xếp hạng tín nhiệm quốc gia đến thu hút vốn FDI: Nghiên cứu trường hợp các nước khu vực Châu Á. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 334 (2), 2-11.